

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SƠN KIM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SƠN KIM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SON KIM SERVICE TRADING AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110914863

3. Ngày thành lập: 13/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 19 ngách 5 ngõ 93 Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902268322

Fax:

Email: Congtysonkim36@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
2.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
3.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
4.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
5.	Chăn nuôi gia cầm	0146
6.	Chăn nuôi khác	0149
7.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
8.	Khai thác và thu gom than non	0520
9.	Khai thác dầu thô	0610
10.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
11.	Khai thác quặng sắt	0710
12.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
13.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
16.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
17.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
18.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
19.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
20.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
21.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512

22.	Sản xuất giày, dép	1520
23.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
24.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
25.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
26.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102
28.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
29.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
30.	Xây dựng công trình điện	4221
31.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
32.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
33.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
34.	Xây dựng công trình thủy	4291
35.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
36.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
38.	Phá dỡ (Loại trừ: Hoạt động nổ mìn)	4311
39.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ: Hoạt động nổ mìn)	4312
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
42.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
43.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
44.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Trừ nổ cát)	4390
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ Đấu giá)	4610
46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
49.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
50.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)	4690
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

53.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ đầu giá)	4784
54.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ Đầu giá)	4791
55.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu (Loại trừ Đầu giá)	4799
56.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
57.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP); - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP); - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP).	4932
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
59.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
60.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
61.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
63.	Bốc xếp hàng hóa	5224
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics.	5229
66.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng cơ bản; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng (Mục 3.1 Phụ lục VII Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021); - Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng (Mục 6.1 Phụ lục VII Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021).	7110
67.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Loại trừ: Hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát	7120
68.	Quảng cáo (Không bao gồm: quảng cáo thuốc lá)	7310
69.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
70.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Loại trừ hợp báo)	8230

71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)	8299
72.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
73.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
74.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (Khoản 1 Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản 2023)	7020
75.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (Khoản 1 Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản 2023)	6810
76.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 66,67,68 Luật kinh doanh bất động sản 2023) - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 61 Luật kinh doanh bất động sản 2023)	6820

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 150.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGHIÊM ĐỨC SƠN	Thôn Hồ Nam, Xã Nga Thành, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	40,000	0380950012 25	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	40,000		
2	NGHIÊM THỊ HIỀN	Thôn Yên Khoái, Xã Nga Yên, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0381930406 22	
			Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	30,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	45.000	450.000.000	30,000		

3	MAI VĂN THAO	Thôn 1, Xã Nga Tiến, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	30,000	038095025418	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	45.000	450.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGHIÊM ĐỨC SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038095001225

Ngày cấp: 04/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hồ Nam, Xã Nga Thành, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hồ Nam, Xã Nga Thành, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội